

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Dự án: Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về Quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, dự án Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 158/TTrSNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2025 (kèm theo Thông báo kết quả thẩm định tại văn bản số 883/SNNMT-TL ngày 01/8/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát,

Tuy Phước).

2. Mã số thông tin công trình: 8138805 (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).

3. Địa điểm xây dựng: Phường An Nhơn Bắc, xã Ngô Mỹ, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai (trước đây là thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát và Tuy Phước, tỉnh Bình Định).

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án: nhóm B.

- Cấp công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.

- Thời hạn sử dụng công trình chính: Thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Mục tiêu dự án

Kiên cố hóa chống sạt lở bờ và mái kênh nhằm đảm bảo tiêu thoát nước úng cho 1.200 ha và dẫn nước tưới cho 550 ha đất sản xuất nông nghiệp của các xã vùng dự án phường An Nhơn Bắc, xã Ngô Mỹ, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai (trước đây là xã Nhơn Phong, xã Nhơn Hạnh thị xã An Nhơn; xã Cát Thắng, huyện Phù Cát và xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định); tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, giảm thiệt hại do ngập lụt; bờ kênh kết hợp giao thông nông thôn, phục vụ quản lý vận hành và sản xuất; cải thiện môi trường sinh thái vùng dự án.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

9.1. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng kiên cố hóa 7,024 km kênh đất hiện trạng, xây mới và sửa chữa, nâng cấp các công trình trên kênh, trục tiêu, bê tông mặt kênh kết hợp giao thông, làm đường thi công kết hợp quản lý vận hành.

9.2. Phương án thiết kế cơ sở (phương án chọn)

- Tần suất tiêu thiết kế lũ muện: $P = 10\%$.

- Tổng chiều dài tuyến kênh tiêu 7.024m (bao gồm cả các cầu, cống trên kênh), gồm 03 đoạn.

a) Đoạn 1: từ K0 đến K3+209 (từ cầu Quai Âm về đến giáp cụm điều tiết Thái Bình 2)

- Thông số và kích thước công trình:

+ Lưu lượng thiết kế:	4,26m ³ /s;
+ Chiều dài kênh:	3.209,0m;
+ Chiều rộng đáy kênh:	(8,6 ÷ 6,0)m;
+ Chiều cao kênh:	(2,5 ÷ 2,2)m;
+ Chiều rộng bờ kênh:	4,0m;
+ Cao trình bờ kênh:	(+6,85 ÷ +4,52)m;
+ Cao trình đáy kênh:	(+4,35 ÷ +2,32)m;
+ Độ dốc đáy kênh:	i = (0,00037 ÷ 0,00121);
+ Hệ số mái kênh:	m = 1,5;
+ Hệ số mái phía đồng:	m = 1,5.

- Kết cấu công trình: Kênh có mặt cắt dạng hình thang; bờ kênh được đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$; mặt bờ kênh rộng 4m được gia cố bằng bê tông M250, đá 2x4 dày 18cm; kết cấu mái kênh gia cố bằng tám lát bê tông M200, dày 10cm trong khung giằng bê tông cốt thép, bên dưới đệm dăm lót đá 2x4 dày 10cm và vải địa kỹ thuật, chân khay bằng bê tông cốt thép M200, phía ngoài đóng cọc tre, phân đoạn chiều dài 11,65m, cắt nhịp dãn bao tải nhựa đường; mái phía đồng gia cố bằng bê tông M200 dày 12cm đổ tại chỗ.

- Xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp 35 công trình trên kênh để bảo đảm thoát lũ và phục vụ tưới, tiêu.

b) Đoạn 2: Từ K3+209 đến K4+078 (từ điều tiết Thái Bình 2 về đến thượng lưu điều tiết Cây Me)

- Thông số và kích thước công trình:

+ Lưu lượng thiết kế:	5,32m ³ /s;
+ Chiều dài kênh:	869,0m;
+ Chiều rộng đáy kênh:	6,0m;
+ Chiều cao kênh:	2,20m;
+ Chiều rộng bờ kênh:	4,0m;
+ Cao trình bờ kênh:	(+4,52 ÷ +4,28)m;
+ Cao trình đáy kênh:	(+2,32 ÷ +2,08)m;
+ Độ dốc đáy kênh:	i = 0,00028;
+ Hệ số mái kênh:	m = 1,5;
+ Hệ số mái phía đồng:	m = 1,5.

- Kết cấu công trình: Kênh có mặt cắt dạng hình thang; phía bờ tả đã xây dựng kiên cố được giữ nguyên; phía bờ hữu xây dựng mới với kết cấu bờ được đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$, mặt bờ kênh rộng 4m được gia cố bằng bê tông M250, đá 2x4 dày 18cm, mái kênh gia cố bằng tấm lát bê tông M200, dày 10cm trong khung giằng bê tông cốt thép, bên dưới đệm dăm lót đá 2x4 dày 10cm và vải địa kỹ thuật, chân khay bằng bê tông cốt thép M200, phía ngoài đóng cọc tre, phân đoạn chiều dài 11,65m, cắt nhịp dán bao tải nhựa đường; mái phía đồng gia cố bằng bê tông M200 dày 12cm đổ tại chỗ.

- Xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp 06 công trình trên kênh để bảo đảm thoát lũ và phục vụ tưới, tiêu.

c) Đoạn 3: từ K4+078 đến K7+024 (từ điều tiết Cây Me về đến cuối tuyến, giáp đoạn kênh đã xây dựng năm 2022)

- Thông số và kích thước công trình:

+ Lưu lượng thiết kế:	8,72m ³ /s;
+ Chiều dài kênh:	2.946,0m;
+ Chiều rộng đáy kênh:	(7,0 ÷ 8,0)m;
+ Chiều cao kênh:	2,20m;
+ Chiều rộng bờ kênh:	4,0m;
+ Cao trình bờ kênh:	(+3,78 ÷ +1,85)m;
+ Cao trình đáy kênh:	(+1,58 ÷ -0,35)m;
+ Độ dốc đáy kênh:	$i = (0,00031 \div 0,00067)$;
+ Hệ số mái kênh:	$m = 1,5$;
+ Hệ số mái phía đồng:	$m = 1,5$.

- Kết cấu công trình: Kênh có mặt cắt dạng hình thang; bờ kênh được đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$; mặt bờ kênh rộng 4m được gia cố bằng bê tông M250, đá 2x4 dày 18cm; kết cấu mái kênh gia cố bằng tấm lát bê tông M200, dày 10cm trong khung giằng bê tông cốt thép, bên dưới đệm dăm lót đá 2x4 dày 10cm và vải địa kỹ thuật, chân khay bằng bê tông cốt thép M200, phía ngoài đóng cọc tre, phân đoạn chiều dài 11,65m, cắt nhịp dán bao tải nhựa đường; mái phía đồng gia cố bằng bê tông M200 dày 12cm đổ tại chỗ.

- Xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp 18 công trình trên kênh, kiên cố đoạn trục tiêu Văn Lăng thu nước về kênh tiêu để nâng cao hiệu quả thoát lũ và phục vụ tưới, tiêu; làm đường thi công kết hợp quản lý vận hành.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo

Kèm theo hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được thẩm định và đóng dấu xác nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường kèm theo Văn bản số 883/SNNMT-TL ngày

01/8/2025 về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu, khả thi đầu tư xây dựng dự án Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước).

11. Số bước thiết kế, danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

11.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 04-05/2022/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai. Phần 1: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 12845:2020: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- TCVN 12571:2018: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn trong giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4253: 2012: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9164-2012: Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh;

- TCVN 9168:2012: Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Phương pháp xác định hệ số tưới lúa;

- TCVN 10406:2015: Công trình thủy lợi - Tính toán hệ số tiêu thiết kế;

- TCVN 4116:2023: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8412:2010: Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập quy trình vận hành;

- TCVN 8419:2022: Công trình thủy lợi: Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8422:2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 8477:2018: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8478:2018: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: 195.600.000.000 đồng (*một trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng : 46.333.418.000 đồng;
- Chi phí xây dựng : 126.299.403.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 2.336.769.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 7.439.098.000 đồng;
- Chi phí khác : 3.537.103.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 9.654.209.000 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2028.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

Nguồn vốn đầu tư và bố trí kế hoạch vốn thực hiện theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, dự án Kiên cố hoàn chỉnh Kênh tiêu 3 huyện (An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước), cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý.
- Khả năng cân đối các nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý cân đối bố trí trong giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai là ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành làm chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

17. Các nội dung khác

17.1. Đơn vị quản lý, vận hành công trình

- Giao Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống kênh tiêu.
- Giao địa phương nơi xây dựng công trình quản lý, vận hành và khai thác sử dụng tuyến đường thi công, kết hợp quản lý vận hành và các hạng mục hoàn trả hạ tầng bị ảnh hưởng trong quá trình thi công.

17.2. Diện tích đất sử dụng: khoảng 9,78 ha (trong đó: diện tích chiếm đất vĩnh viễn: 9,28 ha; diện tích chiếm đất tạm thời 0,50 ha).

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà

nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

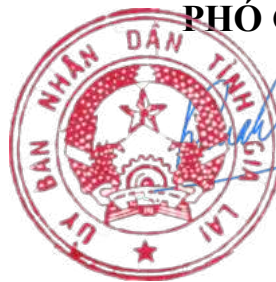
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XV, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh; Chủ tịch UBND phường An Nhơn Bắc, Chủ tịch UBND các xã: Ngô Mỹ, Tuy Phước Đông; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình Thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, NNMT, N6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Mah Tiệp